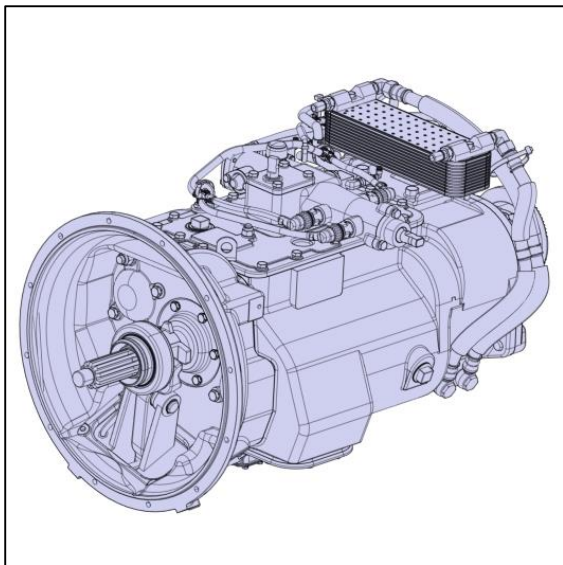




Hộp số, cơ khí
Tổng quan



Nhà sản xuất	Hộp số Fast
Loại	STO2012
Số cấp số	Số tiến – 12
	Số lùi - 2
Khối lượng không có nhớt	431 kg
Chiều dài	1051 mm
Khối lượng PTO	38 kg
Mô men xoắn	2000 Nm
Mô men xoắn PTO	700 Nm

Tỷ số truyền cấp số

Cấp số	STO2012
Số 12 phạm vi cao	0.78
Số 11 phạm vi cao	1.00
Số 10 phạm vi cao	1.28
Số 9 phạm vi cao	1.64
Số 8 phạm vi cao	2.11
Số 7 phạm vi cao	2.71
Số 6 phạm vi thấp	3.48
Số 5 phạm vi thấp	4.46
Số 4 phạm vi thấp	5.71
Số 3 phạm vi thấp	7.31
Số 2 phạm vi thấp	9.41
Số 1 phạm vi thấp	12.10
Số lùi phạm vi thấp	11.56
Số lùi phạm vi cao	2.59

Tỷ số truyền tốc độ PTO

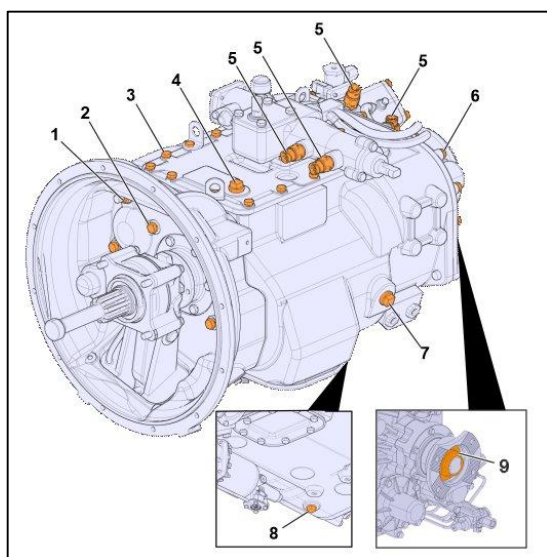
Cấp số	STO2012
Số 6 phạm vi thấp	0.79
Số 5 phạm vi thấp	1.02
Số 4 phạm vi thấp	1.31
Số 3 phạm vi thấp	1.67
Số 2 phạm vi thấp	2.15
Số 1 phạm vi thấp	2.77



Giao diện ly hợp	SAE1 và SAE2
Giao diện PTO	SAE1400 và DIN5462
Nhiệt độ nhớt	60° C ± 5° C

Lực chuyển số trên cần chuyển số	Lên 816 N
	Xuống 1349 N
Áp suất khí nén	955 kPa

Bộ làm mát nhớt	
Nhiệt độ đầu vào của nhớt	100° C
Nhiệt độ đầu vào chất làm mát	85° C
Truyền nhiệt	10.2 kW
Giảm áp suất phía nhớt	1.19 bar
Giảm áp suất phía chất làm mát	0.651 bar



Lực siết		
1	Vỏ ly hợp, đai ốc	230 – 270 Nm
2	Vỏ ly hợp, vít	54 – 65 Nm
3	Nút bít bộ lọc nhớt	Nút bít, kim loại: 60 ± 10 Nm Nút bít, nhựa: 27 ± 3 Nm
4	Nắp hộp số, vít	47.5 – 61 Nm
5	Cắm biên	40 Nm
6	Vỏ phía sau, vít	54 – 65 Nm
7	Nút bít mức nhớt	Nút bít, kim loại: 60 ± 10 Nm Nút bít, nhựa: 27 ± 3 Nm
8	Nút xả	Nút bít, kim loại: 60 ± 10 Nm Nút bít, nhựa: 27 ± 3 Nm
9	Trục đầu ra, đai ốc mũ	Đai ốc mũ, khoá nylon: 800 Nm Đai ốc mũ, cơ khí: 825 ± 25 Nm Lưu ý: Đai ốc mũ phải được tán đinh vào rãnh trục chính.

Lực siết	
Lắp bộ làm mát nhớt, giá đỡ, vít	220 ± 35 Nm
Lắp bộ làm mát nhớt, vít	48 ± 8 Nm
Lắp ống nhớt đến hộp số	67 ± 10 Nm
Cơ khuấy bộ làm mát nhớt	55 ± 8 Nm

Tham khảo số thao tác [43187-4 Hộp số, tháo rời-kiểm tra-lắp ráp](#), để biết lực siết hộp số hoàn chỉnh.